

Số: 7 /BC-PNV

Biên Hòa, ngày 05 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO

Về việc công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước quý I năm 2025.

Kính gửi:

- Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố Biên Hòa
- Phòng Văn hóa, khoa học và thông tin thành phố Biên Hòa.

Căn cứ Nghị định 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Ngân sách Nhà nước.

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Phòng Nội vụ công khai tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách quý I năm 2025 như sau:

1. Nguồn kinh phí thực hiện tự chủ:

Thực hiện dự toán quý I năm 2025: 628.634.357 đồng đạt 18,50% dự toán năm 2025, bằng 118,87% dự toán cùng kỳ năm trước .

Trong đó:

- Chi thanh toán cá nhân là: 554.523.957 đồng
- Chi hoạt động thường xuyên là: 74.110.400 đồng

2. Nguồn kinh phí không thực hiện tự chủ:

- Kinh phí hỗ trợ các tổ chức tôn giáo tổng chi quý I năm 2025 là 52.500.000 đồng đạt 8,91% dự toán năm 2025.

- Kinh phí cải cách hành chính tổng chi quý I năm 2025 là 5.428.000 đồng đạt 0,89% dự toán năm 2025.

- Kinh phí khen thưởng tổng chi quý I năm 2025 là 927.011.976 đồng đạt 8,77% dự toán năm 2025.

- Kinh phí hỗ trợ tết Nguyên đán năm 2025 tổng chi với số tiền là 16.800.000 đồng.

Đối với các nguồn kinh phí còn lại như: Kinh phí quản lý nhà nước về công tác lưu trữ, kinh phí kiểm tra, rà soát các cột mốc, các giới tuyến địa giới hành chính và công tác quản lý nhà nước về địa giới hành chính chưa thực hiện trong quý 1/2025.

(Đính kèm Biểu số 03: Công khai tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách quý I năm 2025)

Trên đây là báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách quý I năm 2025 của Phòng Nội vụ thành phố Biên Hòa. /.

Nơi nhận:

- Như trên (phối hợp công khai);
- Ban lãnh đạo (b/cáo);
- Toàn thể công chức phòng;
- Lưu: VT, KT



Nguyễn Kim Bích Huyền

Biểu số 3 Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: PHÒNG NỘI VỤ
Chương: 6351 VU



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biên Hòa, ngày 08 tháng 4 năm 2025

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
QUÝ I NĂM 2025**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	15.550.300.000	1.630.374.333	10,48%	
1	Chi quản lý hành chính	15.370.300.000	1.630.374.333	10,61%	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.397.500.000	628.634.357	18,50%	118,87%
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	11.972.800.000	1.001.739.976	8,37%	1258,15%
1.2.1	Kinh phí hỗ trợ các tổ chức tôn giáo	589.500.000	52.500.000	8,91%	338,71%
1.2.2	Kinh phí Cải cách hành chính	608.400.000	5.428.000	0,89%	32,82%
1.2.3	Kinh phí Quản lý nhà nước về công tác lưu trữ	112.500.000			
1.2.4	Kinh phí Khen thưởng	10.571.400.000	927.011.976	8,77%	3011,73%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
1.2.5	Kinh phí kiểm tra, rà soát các cột mốc, các giới tuyến địa giới hành chính và công tác quản lý nhà nước về địa giới hành chính	54.000.000			
1.2.6	Kinh phí tuyển dụng công chức cấp xã				
1.2.7	Kinh phí hỗ trợ tết	17.000.000	16.800.000	98,82%	
1.2.8	Kinh phí phần mềm HTCVC-TL	20.000.000			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	180.000.000	0	0,00%	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	180.000.000	0	0,00%	
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				